

Bản án số : 36/2021/DSST.

Ngày 29/3/2021.

Về việc tranh chấp: “ Hợp đồng
mua bán tài sản” .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Việt Chương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Quách Trung Sơn**.

2. Ông **Nguyễn Văn Tám**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Trường An**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Cái Bè.

Ngày 29/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công
khai vụ án thụ lý số 03/TLST-DS ngày 05/01/2021 về việc tranh chấp “ Hợp đồng mua
bán tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXX-ST ngày 24/02/2021
giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:***

1- Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1970.

2- Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1973.

Cùng cư trú tại: ấp X, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Ông **Lê Hoàng A**, sinh năm 1964. Nơi cư trú: số 362B, tổ 18,
khu X, thị trấn Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Theo văn bản ủy quyền lập ngày 29/12/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Cái
Bè, tỉnh Tiền Giang.(có mặt).

**** Bị đơn:*** Bà **Đặng Thị N**, sinh năm 1963. Nơi cư trú: ấp X, xã Y, huyện Cái Bè,
tỉnh Tiền Giang.(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ
án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện nguyên đơn anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H
là ông Lê Hoàng A trình bày: Vợ chồng anh T và chị H là chủ đại lý thức ăn gia súc Tám
T có ký hợp đồng bán thức ăn chăn nuôi gia súc với bà Đặng Thị N từ ngày 15/12/2017
đến ngày 27/4/2019 làm nhiều lần, đến khi kết thúc sổ thì bà N còn nợ số tiền là
310.760.000 đồng, bà N có trả được 40.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền là
270.760.000 đồng. Theo hợp đồng ký kết mỗi lần nhận thức ăn chậm nhất trong thời hạn

05 tháng phải thanh toán xong, nhưng phía bà N ngưng mua thức ăn từ ngày 27/4/2019 đến nay nhưng không trả.

Nay anh T và chị H yêu cầu bà N phải trả số tiền 270.760.000 đồng làm một lần và yêu cầu trả lãi là 9%/ năm từ ngày 28/10/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Đặng Thị N trình bày: Bà xác định có mua thức ăn chăn nuôi gia súc của anh T và chị H như ông Á trình bày là đúng. Bà xác định còn nợ anh T và chị H với số tiền 270.760.000 đồng. Nay bà cũng đồng ý trả số tiền 270.760.000 đồng cho anh T và chị H nhưng xin trả dần mỗi năm là 20.000.000 đồng còn trả theo yêu cầu của anh T và chị H thì bà không có khả năng vì hoàn cảnh kinh tế gia đình hiện nay gặp khó khăn và xin không trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu tranh luận của các đương sự Hội đồng xét xử có nhận định:

[1]- Về tố tụng:

- Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H yêu cầu bà Đặng Thị N trả số tiền 270.760.000 đồng về việc mua bán thức ăn gia súc nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào địa chỉ sinh sống của bà Đặng Thị N ở ấp X, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ tranh chấp được xác định là hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại điều 430 Bộ luật dân sự.

[2]- Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai của đương sự và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H có bán thức ăn gia súc cho bà Đặng Thị N và việc mua bán này phía bà Đặng Thị N thừa nhận và xác định còn nợ anh T và chị H với số tiền 270.760.000 đồng nhưng đến nay không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó anh T và chị H khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền 270.760.000 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 430 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T và chị H.

[3]- Bị đơn bà N xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng vì hoàn cảnh kinh tế gia đình hiện nay gặp khó khăn nhưng không được phía anh T và chị H đồng ý. Xét thấy số tiền trên đã lẽ bà N phải trả theo đúng thỏa thuận theo hợp đồng mua bán thức ăn ngày 15/7/2017 là không quá 5 tháng kể từ khi nhận hàng nhưng bà N đã ngưng nhận hàng từ ngày 27/4/2019 là vi phạm nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh T và chị H. Do đó yêu cầu của bà N là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]- Về lãi suất khi thực hiện hợp đồng mua bán các bên không có thỏa thuận về mức lãi vi phạm như thế nào nay anh T và chị H yêu cầu bà N phải trả lãi suất là 9%/ năm và bà N xin không trả lãi. Hội đồng xét thấy bà N đã vi phạm nghĩa vụ nên phải có nghĩa vụ trả phần tiền lãi cho anh T và chị H. Anh T và chị H yêu cầu tính lãi là 9%/ năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T và chị H. Lãi suất 9%/ năm tính ra là 0.75%/ tháng. Căn cứ vào hợp đồng mua bán thức ăn ngày 15/7/2017 là không quá 5 tháng kể từ khi nhận hàng và theo đơn khởi kiện anh T và chị H và bà N xác định ngày cuối cùng bà N kết sổ không nhận hàng nữa là

ngày 27/4/2019 nên bà N vi phạm nghĩa vụ tính từ ngày 28/9/2019 Hội đồng xét xử tính lãi từ ngày 28/9/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Lấy mốc thời gian từ ngày bà N vi phạm là ngày 28/9/2019 tính đến ngày xét xử là 18 tháng nên số tiền lãi được tính như sau: $270.760.000 \text{ đồng} \times 18 \text{ tháng} \times 0.75\% / \text{tháng} = 36.552.600 \text{ đồng}$. Nên buộc bà N phải có nghĩa vụ trả cho anh T và chị H số tiền lãi 36.552.600 đồng. Tổng cộng số tiền vốn và lãi bà N phải trả cho anh T và chị H là $270.760.000 \text{ đồng} + 36.552.600 \text{ đồng (lãi)} = 307.312.600 \text{ đồng}$.

[3]- Về án phí : Bà N có đơn xin miễn án phí nhưng trường hợp của bà không thuộc quy định tại điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Do đó bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự
- Khoản 2 Điều 468 , Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H. Buộc bà Đặng Thị Ngó nghĩa vụ trả cho anh Phạm Văn T và chị Lê Thị H số tiền 307.312.600 đồng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí : Bà Đặng Thị N phải chịu 15.365.630 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Phạm Văn Tân và chị Lê Thị Huyền 7.911.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004636 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

3- Anh Phạm Văn T, chị Lê Thị H và bà Đặng Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ)

Trương Việt Chương

